

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HƯNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2022/HS-ST

Ngày 17/5/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH**

**\* Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành.

- Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông Vũ Hữu Quang.

2, Bà Trần Thị Thanh Thủy.

**\* Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Bùi Thuận Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 19/2022/HSST ngày 24 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2022, đối với các bị cáo:

**1. Trần Thị T1** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 04/12/1985 tại: xã LG, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn K, xã LG, huyện ĐH, tỉnh TB.

Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ.

Con ông Trần Vũ K1, sinh năm 1964 và bà Vũ Thị S, sinh năm 1965

Chồng: Nguyễn Sỹ V, sinh năm 1982; Có 02 con: Con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Còn nhỏ đi học đến hết lớp 12/12. Từ năm 2003 đến năm 2008 học tại chức Đại học Bách Khoa HN. Năm 2008 về địa phương làm công nhân may, sau đó nghỉ việc và lao động tự do cho đến nay.

*Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/9/2021 đến ngày 01/10/2021, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại triệu tập có mặt tại phiên tòa.*

**2. Nguyễn Thị T2** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03/9/1978 tại: huyện ĐH, tỉnh TB.

Nơi cư trú: Thôn N, xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh TB.

Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Công nhân  
 Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ.  
 Con ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1950 và bà Dương Thị N, sinh năm 1953.

Chồng: Bùi Mạnh T7, sinh năm 1973; Có 03 con: Con lớn sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 5/12 sau đó ở nhà lao động tự do. Từ năm 2017 đến nay làm việc tại Công ty Neo Neon Việt Nam.

*Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/10/2021, hiện tại ngoại triệu tập có mặt tại phiên tòa.*

**3. Vũ Thị T3** (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 01/12/1974 tại: xã ĐQ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn HDT, xã ĐQ, ĐH, tỉnh TB.

Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ.

Con ông Vũ Đình C (đã chết) và bà Vũ Thị K2, sinh năm 1941

Chồng: Đào Văn Q, sinh năm 1969; Có 02 con: Con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2004.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Còn nhỏ đi học đến hết lớp 6/12, sau đó lao động tự do tại địa phương.

*Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/10/2021, hiện tại ngoại triệu tập có mặt tại phiên tòa.*

**4. Đào Văn Q** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 10/10/1969 tại: xã ĐQ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn HDT, xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh TB.

Trình độ văn hóa: 6/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Con ông Đào Văn H1 và bà Vũ Thị B (đều đã chết).

Vợ Vũ Thị T3, sinh năm 1974; Có 02 con: Con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Còn nhỏ đi học đến hết lớp 6/10. Từ năm 1987 tham gia quân ngũ tại C5, Trung đoàn 484 mặt trận 379, chiến đấu tại chiến trường Lào đến năm 1990 xuất ngũ về địa phương.

*Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/10/2021, hiện tại ngoại triệu tập có mặt tại phiên tòa.*

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Sỹ V, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn K, xã LG, huyện ĐH, tỉnh TB.

**\* Người làm chứng:**

1. Anh Hà Quang T4, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn BM, xã HV, huyện ĐH, tỉnh TB.

2. Chị Hoàng Thị Thanh T5, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn N, xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh TB.

3. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn MH, xã LG, huyện ĐH, tỉnh TB.

**PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị T1 và anh Nguyễn Sỹ V có mở cửa hàng Photocopy MT tại nơi ở từ năm 2010. Vợ chồng T1 có trang bị máy photocopy, máy vi tính, thiết bị máy in màu mục đích phục vụ cho việc kinh doanh, T1 là người trực tiếp giao dịch, in sao tài liệu phục vụ khách hàng. Vào khoảng tháng 4.2021 (T1 không nhớ ngày cụ thể), có một người phụ nữ lạ mặt đến cửa hàng của T1 mang theo 01 giấy khám sức khỏe có đầy đủ hình dấu đỏ của Trung tâm y tế dự phòng, hình dấu chức danh và chữ ký ở trên giấy (T1 không nhớ giấy khám sức khỏe viết họ tên ai) nhờ T1 scan và in lại giấy khám sức khỏe. T1 đồng ý tiến hành scan và in giấy khám sức khỏe như yêu cầu của người phụ nữ. Sau đó, do có lưu file giấy khám sức khỏe đã scan trên máy, T1 nảy sinh ý định sử dụng hình ảnh có sẵn để làm giả giấy khám sức khỏe bán cho những người có nhu cầu. T1 không bàn bạc gì với anh V mà tự sử dụng phần mềm photoshop để tách phần dấu tròn đỏ, phần dấu chức danh của các bác sỹ chuyên môn và Phó Giám đốc Trung tâm y tế dự phòng, Sở y tế TB trên file giấy khám sức khỏe, copy phần dấu tròn đỏ, dấu chức danh đó sang phần mềm Corel draw 12, rồi lưu lại với tên “Giấy khám sức khỏe” ở màn hình máy vi tính. T1 tiếp tục sử dụng phần mềm photoshop để xóa phần chữ viết tay, xóa chữ ký của các bác sỹ chuyên môn, xóa hết những phần dấu tròn đỏ trên giấy khám sức khỏe, copy sang phần mềm Corel draw 12 để căn chỉnh khổ in A3 và in ra 01 bản mẫu giấy khám sức khỏe để trống thông tin người khám và phần chữ ký, dấu chức danh của bác sỹ chuyên môn, hình dấu tròn màu đỏ của cơ sở y tế. Trong

khoảng thời gian tháng 9 năm 2021, T1 đã làm 05 giấy khám sức khỏe giả cho 05 người cụ thể:

- Khoảng đầu tháng 9 năm 2021, tại công ty NN, địa chỉ khu công nghiệp GL, huyện ĐH, tỉnh TB, Vũ Thị T3; Hà Quang T4 có tìm gặp và nhờ Nguyễn Thị T2 liên hệ làm giấy khám sức khỏe để hoàn thiện hồ sơ xin việc. Vì đã biết có thể mua giấy khám sức khỏe giả tại cửa hàng photo của T1, nên T2 đồng ý và nói T3, anh T4, mỗi người cung cấp 01 ảnh chân dung 4x6, viết thông tin và địa chỉ vào giấy đưa cho T2 để T2 đi làm hộ. Ngày hôm sau, T3, anh T4 đã đưa ảnh và thông tin cá nhân cho T2. Sau đó T2 cầm ảnh và thông tin cá nhân của T3, anh T4 đến quán photo copy của T1 và bảo T1 “làm cho chị giấy khám sức khỏe của những người này”, T1 đồng ý bảo T2 ngồi đợi. T1 sử dụng 02 mẫu giấy khám sức khỏe dạng A3 chưa viết thông tin của cá nhân nào đã được photo sẵn, dán ảnh chân dung (4x6) cm của T3, T4 vào đúng vị trí ảnh của tờ giấy khám sức khỏe, để trống phần thông tin, kết quả khám. Tiếp theo T1 đặt giấy đã dán ảnh chân dung của T3 vào máy in màu được kết nối với máy tính. T1 mở máy tính vào file “Giấy khám sức khỏe” lưu trước đó, thực hiện căn chỉnh hình tròn dấu màu đỏ có chữ Trung tâm y tế dự phòng, Sở Y tế tỉnh TB đúng vị trí giáp lai giữa ảnh và giấy, một hình dấu màu đỏ in đúng vị trí giáp lai giữa các tờ giấy khổ A3, một hình dấu tròn đỏ đúng vị trí phần người kết luận, còn các hình dấu chức danh của bác sỹ, T1 căn chỉnh đúng vị trí của phần họ tên bác sỹ và tiến hành in. Khoảng 5 phút thì in xong trên bản mẫu giấy A3 có đầy đủ con dấu theo từng vị trí như giấy khám sức khỏe thật thể hiện thông tin của Trung tâm y tế dự phòng, Sở y tế TB. Sau đó T1 sử dụng bút bi điền thông tin của Vũ Thị T3 cũng như viết các mục tình trạng sức khỏe, trực tiếp ký giả chữ ký vào vị trí xác nhận của bác sỹ chuyên môn và ký giả chữ ký người kết luận đè lên hình dấu tròn màu đỏ mục người kết luận để hoàn thiện giấy khám sức khỏe giả mang tên Vũ Thị T3. Làm xong giấy khám sức khỏe giả của T3, T1 đưa cho T2 kiểm tra, T2 đồng ý và T1 tiếp tục thực hiện thao tác trên, làm giả giấy khám sức khỏe giả mang tên Hà Quang T4 có dấu đỏ thể hiện thông tin của Trung tâm y tế dự phòng. Sau khi làm xong, T2 trả T1 100.000đồng/2 giấy khám sức khỏe. Ngày hôm sau khi đi làm, T2 đưa giấy khám sức khỏe T1 đã làm cho T3, Thanh và thu của mỗi người 80.000đồng/1 giấy. Sau khi có giấy khám sức khỏe giả, ngày 21/9/2021 T3 đã làm hồ sơ xin việc vào công ty giày da xuất khẩu TP ở thôn ĐN, xã ĐĐ. T4 do lo sợ giấy khám sức khỏe giả bị phát hiện nên chưa sử dụng vào mục đích gì.

- Cũng khoảng thời gian đầu tháng 9, chị Nguyễn Thị M cần có giấy khám sức khỏe để xin việc tại công ty MH, do nghe nói Trần Thị T1 có bán

giấy khám sức khỏe, nên chị M đã đến cửa hàng của T1 để mua giấy khám sức khỏe. Khi đến gặp T1, chị M chỉ mang 01 ảnh 3x4, không mang theo chứng minh thư nhân dân nên T1 bảo chị M về lấy chứng minh thư nhân dân để làm. Chị M để lại ảnh 3x4 tại chỗ T1, cung cấp thông tin tên, tuổi cho T1 sau đó về nhà. T1 thực hiện các thao tác như trên làm giả 01 giấy khám sức khỏe có họ tên Nguyễn Thị M, có đóng dấu đỏ thể hiện thông tin của Trung tâm y tế dự phòng, trực tiếp ký giả chữ ký vào vị trí xác nhận của bác sỹ chuyên môn và ký giả chữ ký người kết luận đề lên hình dấu tròn màu đỏ mực người kết luận để hoàn thiện giấy khám sức khỏe giả, phần thông tin chỉ còn trống thông tin số căn cước công dân của chị M. Chị M do bận việc nên các ngày tiếp theo chưa đến cửa hàng để cung cấp thông tin chứng minh thư nhân dân cho T1, cũng chưa lấy giấy khám sức khỏe và trả tiền cho T1.

- Đào Văn Q là chồng của T3 có nhu cầu làm hồ sơ xin việc, cần giấy khám sức khỏe để hoàn thiện hồ sơ, nên T3 nảy sinh ý định tiếp tục nhờ T2 làm giấy khám sức khỏe giả cho Q. T3 nói với Q việc nhờ người làm giấy khám sức khỏe. Q đồng ý, bảo T3 lấy ảnh của Q trong tủ và trực tiếp đưa căn cước công dân để T3 lấy thông tin. (Q không biết T3 nhờ ai, cũng không biết việc T3 đã cung cấp thông tin cá nhân để làm và sử dụng giấy khám sức khỏe giả để hoàn thiện hồ sơ xin việc của T3). T3 ghi thông tin của Q và lấy ảnh của Q. Đến khoảng ngày 11/9/2021, T3 đã gặp và đưa cho T2 ảnh, thông tin cá nhân của Q để T2 liên hệ làm giúp giấy khám sức khỏe giả cho Q. T2 cầm ảnh và thông tin của Q đến quán của T1 nhờ T1 làm giấy khám sức khỏe cho Q. T1 thực hiện thao tác như trên làm 01 giấy khám sức khỏe giả mang tên Đào Văn Q, có con dấu thể hiện thông tin của Trung tâm y tế dự phòng, Sở y tế tỉnh TB. T2 nhận giấy khám sức khỏe giả và trả T1 50.000 đồng. Ngày hôm sau, T2 đưa giấy khám sức khỏe cho T3 tại công ty và thu của T3 80.000 đồng. T3 mang giấy khám sức khỏe về nhà, trực tiếp viết và ký các giấy tờ trong hồ sơ xin việc rồi đưa cho Q để sử dụng giấy khám sức khỏe này hoàn thiện hồ sơ xin việc của Q.

- Khoảng cuối tháng 9 năm 2021, có 01 người phụ nữ tên Mai Thị T6 đến tìm gặp và nhờ T1 làm 01 giấy khám sức khỏe giả. Chị T6 cung cấp ảnh và họ tên, nhưng không mang căn cước công dân, nên T1 bảo T6 về lấy căn cước công dân để ghi thông tin cho phù hợp. Người phụ nữ đồng ý về lấy căn cước công dân, T1 thực hiện các thao tác như mô tả trên, làm giả 01 giấy khám sức khỏe có họ tên Mai Thị T6, để trống phần “Số CMND” và chỗ ở hiện tại, giấy khám sức khỏe có đóng dấu đỏ thể hiện thông tin của Trung tâm y tế dự phòng, trực tiếp ký giả chữ ký vào vị trí xác nhận của bác sỹ chuyên môn và ký giả

chữ ký người kết luận đề lên hình dấu tròn màu đỏ mực người kết luận để hoàn thiện giấy khám sức khỏe giả. Tuy nhiên, chị T6 không quay lại cung cấp thông tin và lấy giấy khám sức khỏe, cũng chưa trả tiền T1.

Ngày 23/9/2021, Q trực tiếp mang hồ sơ xin việc trong có chứa giấy khám sức khỏe giả mang nộp xin việc tại công ty cổ phần STL. Quá trình kiểm tra hồ sơ xin việc, bộ phận tiếp nhận hồ sơ của công ty phát hiện trong hồ sơ xin việc có 01 giấy khám sức khỏe mang tên Q nghi làm giả nên đã thông báo đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thái Bình.

Ngày 24/9/2021, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Thị T1, thôn K, xã LG, huyện ĐH, tỉnh TB, thu giữ: 01 giấy khám sức khỏe có họ và tên: Mai Thị T6, được dán ảnh, có hình dấu tròn màu đỏ của Trung tâm y tế dự phòng tỉnh TB đóng giáp lai giữa ảnh và giấy; đóng giáp lai giữa hai tờ giấy, hình dấu tròn màu đỏ, chữ ký màu xanh, hình dấu chức danh ‘Ths Phạm Thị Minh T8’; 01 giấy khám sức khỏe có họ và tên Nguyễn Thị M, sinh năm 1982, địa chỉ: xã LG, ĐH, TB được dán ảnh và in hình dấu tròn màu đỏ của Trung tâm y tế dự phòng tỉnh TB, chữ ký màu xanh và hình dấu chức danh “Ths Phạm Thị Minh T8”; 01 máy in vỏ ngoài màu đen, nhãn hiệu Canoon IX 6770 đã qua sử dụng; 01 CPU máy tính màu đen đã qua sử dụng; 01(một) máy Photocopy màu trắng đã cũ, nhãn hiệu TOSHIBA; 01 giấy khám sức khỏe chưa có thông tin và chữ viết theo T1 khai đây là phôi giấy khám sức khỏe T1 dùng để photo ra và làm giấy khám sức khỏe giả khác.

Ngày 01/10/2021, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Thái Bình khám xét nơi ở của Nguyễn Thị T2 tại thôn N, xã ĐQ, ĐH, TB không quản lý, thu giữ gì.

*Tại bản Kết luận giám định số 86/KLGĐTL –PC09 ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận:* Hình dấu tròn, hình dấu chức danh, họ tên trên 04 Giấy khám sức khỏe cần giám định không phải là hình dấu được đóng trực tiếp; là hình dấu được tạo ra bằng phương pháp in màu.

*Tại bản Kết luận giám định số 114/KLGĐTL-KTHS ngày 24/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Bình kết luận:*

- Chữ ký mang tên Ths: Phạm Thị Minh T8 trên 04 giấy khám sức khỏe (T3, Q, M, T6) so với chữ ký của Ths: Phạm Thị Minh T8 trên mẫu so sánh không phải do một người ký ra.

- Chữ viết tại các mục ở trang 1 trên các mẫu cần giám định là giấy khám sức khỏe mang tên Q, T3, T6, M (trừ chữ viết dưới mục “người đề nghị

khám sức khỏe”, chữ số “21 09 2021” tại mục ngày tháng năm của giấy khám sức mang tên Q, T3) so với chữ viết của Trần Thị T1 trên các mẫu so sánh do cùng 01 người viết ra.

*Tại bản Kết luận giám định số 17/KL – PC09(TL) ngày 25/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Bình kết luận:*

- Hình dấu tròn, hình dấu chữ nhật, hình dấu chức danh, họ tên trên Giấy khám sức khỏe cần giám định (mang tên Hà Quang T4) không phải là hình dấu đóng trực tiếp; là hình dấu được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên Ths: Phạm Thị Minh T8 trên mẫu cần giám định (giấy khám sức khỏe của T4) so với chữ ký của Ths: Phạm Thị Minh T8 trên các mẫu so sánh không phải do một người ký ra.

- Chữ viết tại các mục ở trang 1 trên mẫu cần giám định so với chữ viết của Trần Thị T1 trên các mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Làm việc với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh TB ngày 27/9/2021 và ngày 29/10/2021 xác định: Ngày 26/12/2018, UBND tỉnh TB có quyết định sát nhập Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh TB cùng các trung tâm khác thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh TB. Ngay sau khi sát nhập, Công an tỉnh Thái Bình đã thu con dấu cũ của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh để xử lý theo quy định. Trung tâm không cấp giấy khám sức khỏe cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào mà không thực hiện việc khám theo quy định của Trung tâm. Trung tâm không uỷ quyền hay cho phép ai tên Trần Thị T1, sinh năm 1985, trú tại xã LG, huyện DH hay bất kỳ cá nhân nào được phép cấp giấy khám sức khỏe. Tất cả giấy khám sức khỏe do Trung tâm phát hành đều trực tiếp khám và cấp theo quy định. Tất cả giấy khám sức khỏe đều được ký trực tiếp, đóng dấu trực tiếp, không có trường hợp nào được phép Scan cấp cho bệnh nhân. Từ trước đến nay Trung tâm Y tế dự phòng (nay là Trung tâm Kiểm soát bệnh tật) không có bác sỹ, công nhân viên nào có tên Nguyễn Thị H2, Tô Thanh H3, Bùi Thị L2. Bác sỹ Phạm Thị Minh T8 nguyên là Phó giám đốc của Trung tâm đã nghỉ hưu từ ngày 01/11/2016.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Thị T1, Nguyễn Thị T2, Vũ Thị T3, Đào Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Sỹ V người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh là chồng bị cáo Trần Thị T1 và các tài sản gồm 01(một) máy Photocopy màu trắng đã cũ, nhãn hiệu TOSHIBA, e STUDIO555; 01 (một) máy in màu đen đã cũ nhãn hiệu PIXMA; IX6770. Tại mặt sau có in nội dung: Canon PRINTER K10389; 100-240V, 50160H7 CANON INC; MADE IN THAI LAND R3129; 01 (một) thùng CPU máy vi tính màu đen đã cũ nhãn

hiệu SAMSUNG, KT (17X36X41)cm mà Cơ quan điều tra đã thu là tài sản chung của vợ chồng và là máy móc phục vụ kinh doanh nuôi sống gia đình nên anh đề nghị HĐXX xem xét cho anh xin lại các tài sản trên. Nguồn tiền mua các trang thiết bị trên chủ yếu do anh lao động và tiết kiệm mà có. Anh không biết việc chị T1 sử dụng các trang thiết bị trên để làm giả giấy khám sức khỏe.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng số 24/CT-VKSĐH ngày 23/3/2022 đã truy tố bị cáo Trần Thị T1, Nguyễn Thị T2 về tội: *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”* theo điểm b, c khoản 2 Điều 341; Bị cáo Vũ Thị T3 về tội: *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”* theo điểm b khoản 2 Điều 341; Bị cáo Đào Văn Q về tội: *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”* theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

\* Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Thị T1 từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Trần Thị T1 từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Thị T2 từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị T2 từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; khoản 2 Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Vũ Thị T3 từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Vũ Thị T3.

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt Đào Văn Q số tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.



*Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Đào Văn Q.

\* Ngoài ra còn đề nghị xử lý về vật chứng và án phí.

Các bị cáo Trần Thị T1, Nguyễn Thị T2, Vũ Thị T3 và Đào Văn Q nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quy định của pháp luật giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **PHÂN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị T1, Nguyễn Thị T2, Vũ Thị T3 và Đào Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng đã mô tả. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra; Phù hợp với thông báo của công ty cổ phần STL ngày 23/9/2021 về việc tiếp nhận hồ sơ của Đào Văn Q (Bút lục số 01); Biên bản quản lý và niêm phong đồ vật, tài liệu hồi 09 giờ 50 phút ngày 23 tháng 9 năm 2021 (Bút lục số 129); Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ hồi 11 giờ 22 phút ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại nhà ở của Trần Thị T1: Niêm phong 01 giấy khám sức khỏe có dán ảnh 4x6 của một người phụ nữ có họ tên Mai Thị T6, có hình dấu tròn màu đỏ thể hiện Sở y tế tỉnh Thái Bình, Trung tâm y tế dự phòng ở vị trí dán ảnh; ở giữa 01 tờ giấy A3 và ở góc dưới bên phải mục người kết luận; 01 giấy khám sức khỏe có dán ảnh của một người phụ nữ có họ tên Nguyễn Thị M có hình dấu tròn màu đỏ, thể hiện thông tin của Sở y tế tỉnh Thái Bình, Trung tâm y tế dự phòng tại vị trí dán ảnh ở giữa tờ giấy A3 và ở góc dưới bên phải mục người kết luận (Bút lục số 126); Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ hồi 10 giờ 45 phút ngày 18 tháng 10 năm 2021 tại Cơ quan An ninh điều tra công an tỉnh Thái Bình, niêm phong 01 giấy khám sức khỏe thể hiện họ và tên Hà Quang T4, trên giấy có 03 dấu tròn màu

đỏ thể hiện thông tin của Trung tâm y tế dự phòng, Sở y tế tỉnh Thái Bình (Bút lục 143); 01 USB màu đỏ đen, mặt màu đen có in chữ màu đỏ “SanDisk”; mặt màu đỏ in chữ “Cruzer Blade 16GB, CE TAD-SDCZ50, BL200326919B, MADE IN CHINA” đã được niêm phong trong 01 phong bì dán kín ghi lại thao tác quá trình T1 làm giả giấy khám sức khỏe (kèm theo hồ sơ vụ án); Các Bản kết luận giám định số 86/KLGĐTL-PC09 ngày 30/9/2021; số 114/KLGĐTL-KTHS ngày 24/12/2021 và số 17/KL-PC09(TL) ngày 25/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục số 169; số 177- 178 và số 184-185); Biên bản làm việc với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình ngày 27/9/2021 và ngày 19/10/2021 (Bút lục số 209-210 và bút lục số 270-271); Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Sỹ V và những người làm chứng: Anh Hà Quang T4, chị Hoàng Thị Thanh T5, chị Nguyễn Thị M (Bút lục số 399-419) cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.1] Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian tháng 9/2021 Trần Thị T1 có hành vi sử dụng máy photo, máy tính, máy in để làm giả 05 Giấy khám sức khỏe, tự in hình con dấu giả thể hiện thông tin của Trung tâm y tế dự phòng, Sở y tế tỉnh Thái Bình, thu lời 150.000 đồng. Trần Thị T2 có hành vi liên hệ, cung cấp thông tin của 03 người có nhu cầu làm giấy khám sức, để giúp T1 làm giả 03 giấy khám sức khỏe, thu lời 90.000 đồng. Nguyễn Thị T3 có hành vi liên hệ cung cấp thông tin để T1 làm giả 02 giấy khám sức khỏe, trực tiếp sử dụng 01 giấy khám sức khỏe giả để làm hồ sơ xin việc vào Công ty cổ phần giấy da xuất khẩu TP, giúp Đào Văn Q sử dụng 01 giấy khám sức khỏe giả làm hồ sơ xin việc vào Công ty cổ phần STL. Đào Văn Q có hành vi cung cấp thông tin, ảnh để làm 1 giấy khám sức khỏe giả và sử dụng để xin việc vào Công ty cổ phần STL.

[2.2] Vì vậy xác định:

- Hành vi của các bị cáo Trần Thị T1 và Nguyễn Thị T2 đã phạm vào tội: *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”* theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

- Hành vi của bị cáo Vũ Thị T3 phạm vào tội: *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”* theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

- Hành vi của bị cáo Đào Văn Q phạm vào tội: *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”* theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

*“Điều 341. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*

*1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:*

- a) Có tổ chức;*
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;*
- c) Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác;*
- d) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm;*
- đ) Thu lợi bất chính 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;*
- e) Tái phạm nguy hiểm.*

*3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:*

- a) Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên;*
- b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng;*
- c) Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên.*

*4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.*

**[2.3]** Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính cơ quan Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Bảo vệ sự an toàn của con dấu và các tài liệu, giấy tờ trên cũng chính là bảo đảm sự hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính của Nhà nước về con dấu và các loại tài liệu, giấy tờ này, gây mất lòng tin của nhân dân vào các cơ quan y tế và làm ảnh hưởng đến việc tuyển dụng, bố trí sắp xếp nhân sự công nhân của các công ty. Mặt khác, chỉ có 02/5 giấy khám sức khỏe do bị cáo T1 làm đã bị các bị cáo sử dụng mục đích xin việc tại công ty nhưng thực tế các bị cáo chưa làm việc, chưa gây thiệt hại kinh tế gì đến công ty. Các giấy khám sức khỏe còn lại đều chưa vào mục đích gì.

[2.4] Trong vụ án này khi xem xét, cân nhắc hình phạt Hội đồng xét xử thấy rằng đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tuy nhiên cũng xem xét đến vai trò của các bị cáo, cụ thể:

Bị cáo Trần Thị T1 giữ vai trò đầu vụ bị cáo là người chuẩn bị phương tiện, công cụ và scan giấy khám sức khỏe vào máy vi tính khi ai có nhu cầu làm giấy khám sức khỏe bị cáo sẽ trực tiếp làm và thu tiền của những người làm, cụ thể bị cáo đã thu lợi số tiền 150.000 đồng. Tuy nhiên HĐXX thấy rằng bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, các lần phạm tội của bị cáo đều là tội phạm ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn; bị cáo có ông ngoại được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, được chính quyền địa phương đề nghị xin cải tạo tại địa phương, bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính tại Chi cục thi hành án dân sự Đông Hưng nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị T2 đã cung cấp thông tin của 3 người để bị cáo T1 làm 3 giấy khám sức khỏe giả và thu lợi bất chính số tiền 90.000 đồng. Tuy nhiên HĐXX thấy rằng bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, các lần phạm tội của bị cáo đều là tội phạm ít nghiêm trọng và bị cáo với vai trò giúp sức không đáng kể trong vụ án, bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, bố đẻ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân huy chương kháng chiến hạng ba, bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính tại Chi cục thi hành án dân sự ĐH nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Vũ Thị T3 đã cung cấp thông tin của chồng là Đào Văn Q cho bị cáo T2 để bị cáo T2 liên hệ bị cáo T1 làm giả 02 giấy khám sức khỏe trong đó có 01 giấy của bị cáo và 01 giấy của chồng bị cáo và trực tiếp sử dụng giấy khám sức khỏe giả để xin việc. Tuy nhiên HĐXX thấy rằng bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, các lần phạm tội của bị cáo đều là tội phạm ít nghiêm trọng và bị cáo với vai trò giúp sức không đáng kể trong vụ án, hiện bị cáo đang phải điều trị bệnh viêm gan virus B mãn tính, bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52

Bộ luật Hình sự; Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn; mẹ đẻ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân huy chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Đào Văn Q đã cung cấp thông tin cá nhân cho vợ là Vũ Thị T3 để làm giả và sử dụng 01 giấy khám sức khỏe giả bị cáo giữ vai trò cuối. Khi xem xét cân nhắc hình phạt thấy rằng bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có thời gian tham gia quân đội nhân dân Việt Nam nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo như đề nghị mà vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng là phù hợp với quy định của pháp luật.

**[2.5]** Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”*.

Đối với các bị cáo Trần Thị T1 và Nguyễn Thị Toán làm giả giấy khám sức khỏe nhằm thu lợi bất chính vì vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo như đề nghị mà vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng là phù hợp.

Đối với bị cáo Vũ Thị T3 và Đào Văn Q là vợ chồng hoàn cảnh gia đình khó khăn, làm giả giấy khám sức khỏe không nhằm mục đích thu lợi bất chính, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các T3 và Q.

**[4] Về vật chứng của vụ án:** Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Quá trình điều tra Cơ quan điều tra thu giữ: 01(một) máy Photocopy màu trắng đã cũ, nhãn hiệu TOSHIBA, e STUDIO555; 01 (một) máy in màu đen đã cũ nhãn hiệu PIXMA; IX6770. Tại mặt sau có in nội dung: Canon PRINTER K10389; 100-240V, 50160H7 CANON INC; MADE IN THAILAND R3129; 01 (một) thùng CPU máy vi tính màu đen đã cũ nhãn hiệu SAMSUNG, KT (17X36X41)cm của bị cáo Trần Thị T1. Tại cơ quan quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo T1 khai các tài sản trên là tài sản chung

của hai vợ chồng. Anh Nguyễn Sỹ V xác định các tài sản trên là tài sản chung của hai vợ chồng dùng vào việc kinh doanh nuôi sống gia đình và anh V đã có đơn xin lại các tài sản trên. Tại phiên tòa bị cáo T1 và anh V đề nghị HĐXX xem xét được xin lại các tài sản trên.

HĐXX xét thấy rằng: Các tài sản trên là tài sản chung và thuộc đồng sở hữu của vợ chồng theo quy định tại Điều 33, 36 Luật hôn nhân và gia đình được đưa vào kinh doanh do vậy việc thu giữ sẽ ảnh hưởng đến quyền của anh V là chồng bị cáo. Vì vậy, HĐXX thấy rằng việc trả lại các tài sản trên cho bị cáo và anh Nguyễn Sỹ V không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên cần chấp nhận đề nghị của bị cáo và V trả lại bị cáo và anh Vượng các tài sản nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

*Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Hưng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng ngày 24/3/2022.*

- Đối với số tiền 150.000 đồng bị cáo Trần Thị T1 và số tiền 90.000 đồng bị cáo Nguyễn Thị T2 là tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH cần được chấp nhận tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

**[6] Trong vụ án này:**

- Quá trình làm việc, Nguyễn Thị T2 có khai nhận bản thân T2 có đặt T1 làm cho 01 giấy khám sức khỏe giả mang tên T2 mục đích để làm hồ sơ xin việc, sau khi có giấy khám sức khỏe T2 chưa làm hồ sơ xin việc, không nhớ giấy khám sức khỏe để ở đâu, khám xét nơi ở của T2 cũng không thu giữ tài liệu gì. Bản thân T1 không thừa nhận đã trực tiếp làm giả giấy khám sức khỏe mang tên T2, vì vậy không có căn cứ xử lý T1 về hành vi trên.

- Chị Hoàng Thị Thanh T5, sinh năm 1982, trú tại thôn N, xã ĐQ, huyện ĐH có khai nhận bản thân có nhờ T2 liên hệ làm giấy khám sức khỏe, sau đó do sợ việc sử dụng giấy khám sức khỏe giả nên đã mang đi đốt. Tuy nhiên, T2 không thừa nhận việc chị T5 nhờ T2 liên hệ làm giấy khám sức khỏe. T1 không thừa nhận đã trực tiếp làm giả giấy khám sức khỏe mang tên T5. Do đó, không có căn cứ để xử lý T1, T2 về hành vi trên.

- Đối với anh Hà Quang T4, chị Nguyễn Thị M, chị Hoàng Thị Thanh T5 đều khai có hành vi đặt giấy khám sức khỏe mục đích để sử dụng, nhưng chưa dùng vào mục đích gì, anh T4 đã giao nộp giấy khám sức khỏe cho cơ quan điều tra, chị M chưa lấy giấy khám sức khỏe trên, chị T5 đã đốt giấy khám sức khỏe. Khi anh T4, chị M, chị T5 cung cấp ảnh để làm giấy khám sức khỏe không biết T1 làm giấy khám sức khỏe bằng cách nào. Anh T4, chị T5, chị M đều

chưa sử dụng giấy khám sức khỏe giả để thực hiện hành vi trái pháp luật, nên không xem xét xử lý.

- Đối với giấy khám sức khỏe có đề tên Mai Thị T6, qua xác minh không xác định được người tên Mai Thị T6, người này không đến lấy giấy để sử dụng, vì vậy không có căn cứ xử lý.

**[7] Về án phí và quyền kháng cáo:** Các bị cáo Trần Thị T1, Nguyễn Thị T2, Vũ Thị T3 và Đào Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

### 1. Tuyên bố:

- Bị cáo Trần Thị T1, Nguyễn Thị T2 phạm tội: *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”* theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Vũ Thị T3 phạm tội: *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”* theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Đào Văn Q phạm tội: *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”* theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

### 2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

- ***Áp dụng điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17, Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.***

Xử phạt bị cáo Trần Thị T1: **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **05 (năm) năm** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/5/2022).

Về hình phạt bổ sung bị cáo Trần Thị T1 số tiền 5.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

- ***Áp dụng điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17, Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.***

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T2: **02 (hai) năm 03 (ba) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/5/2022).

Về hình phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị T2 số tiền 5.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

**- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17, Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.**

+ Xử phạt bị cáo Vũ Thị T3: **02 (hai)** năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **04 (bốn)** năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/5/2022).

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Thị T3.

Giao bị cáo Trần Thị T1 cho UBND xã LG, huyện ĐH, tỉnh TB giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị T2 và Vũ Thị T3 cho UBND xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh TB giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

*Đối với các bị cáo Trần Thị T1, Nguyễn Thị T2 và Vũ Thị T3 được hưởng án treo: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

**- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17, Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự.**

Xử phạt bị cáo Đào Văn Q số tiền 30.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

**3. Về vật chứng của vụ án:** Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Trần Thị T1 và anh Nguyễn Sỹ V, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn K, xã LG, huyện ĐH, tỉnh TB: 01(một) máy Photocopy màu trắng đã cũ, nhãn hiệu TOSHIBA, e STUDIO555; 01 (một) máy in màu đen đã cũ nhãn hiệu PIXMA; IX6770. Tại mặt sau có in nội dung: Canon PRINTER K10389; 100-240V, 50160H7 CANON INC; MADE IN THAI LAND R3129; 01 (một) thùng CPU máy vi tính màu đen đã cũ nhãn hiệu SAMSUNG, KT (17X36X41)cm của bị cáo Trần Thị T1.

*Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Hưng và Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH ngày 24/3/2022.*



**4. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:** Số tiền 150.000 đồng của bị cáo T1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001061 ngày 23/3/2022 và số tiền 90.000 đồng của bị cáo T2 đã nộp theo biên lai 0001062 ngày 24/3/2022 tại Chi cục thị hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh TB.

**5. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo Trần Thị T1, Nguyễn Thị T2, Vũ Thị T3 và Đào Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**Quyền kháng cáo:** Các bị cáo Trần Thị T1, Nguyễn Thị T2, Vũ Thị T3 và Đào Văn Q; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/5/2022).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Công an huyện Đông Hưng;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- Bị cáo; Người có QLVN liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**Đã ký**

**Hoàng Văn Thành**